

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

000

ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sĩ phố Richaud, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUỐC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG ĐỊNH-BÌNH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút
DUONG-VAN HIỀN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO:

cả năm: 1\$00 — nửa năm: 0\$50 — mỗi số: 0\$03

QUÍ DANH CÁC VỊ CÚNG TIỀN
GIÚP DÂN BỊ LỤT

Một vị Vô danh ở phố Đồng-khánh Hanoi	5\$00
Ông Nguyễn-huy-Hậu, xã Xuân-yên, Thanh-hà, Hải-dương	2\$00
Bà Nguyễn-thị-Đông, xã Nội-hợp, Phủ-xuyên, Hà-dông	0\$20
Năm vị vô-danh ở xã Nội-hợp, Phủ-xuyên, Hà-dông	0\$50
Một vị vô-danh, Boulevard Đồng-khánh	3\$00
Ban Đại-lý yên phong (Bắc-Ninh)	5\$00
Ông Hoạt, Buôn bán ở Kê-sắt Hải-dương	1\$00

Cộng là: 16\$70

Nhà in DUỐC-TUỆ

73, Rue Richaud, 73 - HANOI

Là nhà in của hội Phật - Giáo

Nhận in kinh sách chữ Nho và Quốc-ngữ.

Nhận đóng sách ta sách tây mạ vàng.

Phát hành các thứ sơ thể, chữ Nho chữ Quốc ngữ đủ thứ.

In đẹp, giá hạ Các giáo-hữu có dùng gì đến việc in, xin đem lại in nhà in của Hội, bao giờ cũng được như ý.

Ở các tỉnh xa, ngài nào có chân Hội - viên của Hội, phát tâm muốn đứng nhận giúp công-việc cho nhà in Đuốc-Tuệ xin quá-bộ lại nhà in Đuốc-Tuệ hay viết thư cho ông Nguyễn-hữu-Kha quản-lý nhà in thương-lượng..

Phật-giáo hiện nay có 2 phái lớn là Đại-thặng và Tiểu-thặng, gọi là bắc-lông và nam-lông. Nguyên Phật-giáo ngày xưa tuy có thịnh hành từ Ấn độ thật, nhưng lần nay hầu khắp xứ Ấn độ theo Bà-la-môn và Hồi-giáo cũ, chỉ còn có 2 xứ nhỏ, là nước 泥 婆 羅 Néballe (nước độc-lập) ở tá-bắc theo về lối Đại-thặng, và xứ 錫 蘭 Saylan là một hải-đảo ở nam-phương, theo về lối Tiểu-thặng. Các nước ngoài như Trung-hoa, Nhật-bản, Tây-tạng và nước ta theo về bắc-lông, Diên-diên, Siam là về Cao man theo về nam-lông. Bắc-lông chuyên dùng những kinh điển Đại thừa như Hoa nghiêm, Pháp hoa, Bát-nhã, Tịnh-độ và Mật-giáo v.v., chữ dùng bằng nguyên tiếng Phạm hoặc dịch ra tiếng Tàu. Nam-lông chuyên dùng kinh điển Tiểu-thừa như 4 bộ A-hàm, Pháp cú và Bm-sinh v.v., chữ dùng bằng tiếng Ba-lì, chữ Phạm ở kinh đại thặng tức là lối tiếng của Tân ti khác, và là văn tự cổ xưa của Ấn độ, mà nhà Phật dùng lại là một lối chữ đặc biệt, chữ không phải như chữ phạm thông thường (chỉu các điển Phật, thì chỉ có đức Phật là nói dùng tiếng chữ phạm ấy thôi; nghiệm các thầy bà la môn, nhiều người đến thờ Phật đều nói rằng: nếu thầy nói dùng tiếng phạm thì mới nhận là Phật, thì biết là người Ấn độ bấy giờ cũng chưa ai biết hết được chữ phạm và nói dùng được tiếng phạm). Chữ ba-lì tức lối tiếng chữ ba-lạp khác, là tiếng thông dụng của các hạt Ấn độ. Kinh điển Phật giáo lưu hành khắp mọi nơi, có dịch ra chữ ấy mới thông dụng được. Thứ tiếng ấy là tiếng cổ của Ma-kiệt-Đà sau hỗn hợp với các tiếng thập phương, nhân thế mới thông hành cả các xứ, cũng như tiếng quan thoại của người Tân vịnh. Kinh A-hàm và Pháp-cú dùng bằng chữ ba-lì ấy, tức là phái nam-lông dịch ra để dùng cho tiện đó mà thôi. Kể những cụ bản của phái bắc, hiện người Ấn thường đảo thấy

thì toàn chữ cổ phạm thể thì kinh điển tiểu thặng cả chữ cổ phạm và chữ ba-lị đều có cả, mà kinh điển đại thặng thì không có quyền nào bằng chữ ba lị nay những bộ đưa vào Tàu thì đều dịch ra chữ latin cả nên bộ nào cũng có lên người dịch, nếu bộ nào quên lên người dịch cũng dễ là mất tên người dịch). thể mà phải nam tông họ cho là khi kết tập lần đầu, chỉ có các kinh tiểu thặng thôi. còn các kinh đại thặng như Hoa nghiêm, Pháp-hoa và mật tạng v.v.. đều ra sau cả rồi họ bác những kinh đại-thặng ấy là không phải Phật thuyết. và họ đoán ngay là khi Phật thuyết pháp chính thuyết bằng tiếng ma kiệt-đà, đệ tử cứ truyền khẩu mãi sau mới chép làm kinh điển bằng chữ ba lị. Đem những thuyết ấy mà chứng với sự thực khi Phật ở đời thì sai lầm nhà phật dựng to cửa phật mở rộng khi ngài thuyết pháp chưa hề chỉ giới rông tám bộ, hãy nói riêng một loài người từ bà la môn đến chiến đà la bực thông minh chẳng ừ kể ngu đốt cũng nhiều, mira pháp phun sao cho đậm nhuần hết thầy, nếu không dùng những tiếng nhĩ chính mỹ miều, sao hay đạt tới cái giáo lý cao siêu vi diệu, để cho mọi loài quy Phật cùng thấu pháp mầu. Nên biết bọn nam tông bảo là phật chuyên dùng tiếng ba-lị mà không dùng tiếng cổ phạm thực là sai giá bảo là phật chỉ dùng tiếng cổ phạm mà không bao giờ dùng tiếng ba-lị cũng chưa chắc đúng. Kinh Pháp-hoa có câu: « Phật nói một tiếng pháp, chúng sinh tùy loại đều được hiểu riêng ». Đó là một sự thực ở pháp hội Linh-sơn mà giới rông tám bộ quanh châu nghe pháp đấy.

KINH ĐIỂN CỦA NAM - TÔNG

Đạo Saylan (Tích-lan) là trung-tâm phật-giáo nam-tông, bắt đầu khai giáo là từ cụ Ma-siễn-Đà (con bé vua A-đục). Đến năm thứ 576 sau khi Phật diệt, vua Saylan là Vô-úy mới kết tập tam tạng ở chùa Đại-tỳ-la, mới đời

tục truyền khẩu mà chép vào lá bối. Sau hơn 300 năm đến đời Đông-Tấn (lầu), cụ Pháp-hiền sang Saylan, thì cụ Giác-án cũng tự Ma-kiệt đà đến Saylan, dùng tiếng ba li làm chú sớ tam tạng, từ đó kinh điển Saylan mới là Đại thành, những mục thấy ở luật thiện-kiến (của Tàu dịch) đại thể giống nhau. Vay lược ra sau này:

波羅提木叉

1) Luật tạng : Ba la đề mộc xoa 2 thứ

毘陀波利波羅

Kiên đà ba li ba la 23 thứ

長阿含

2) Kinh-tạng : Trường A hàm 44 thứ

中 - -

Trung A hàm 252 thứ

雜 - -

Tạp A hàm 7762 thứ

增 - - -

Tăng nhất A hàm 9557 thứ

小 誦

Tiểu tụng 14 thứ

3) Luận tạng 7 thứ

Nay xem phần luật về sách chữ ba li chia làm 5 bộ, cho đến toàn bộ 4 A hàm, đại khái cũng đúng như của Tàu dịch ở trên. Còn tiểu-tụng thì thấy chia làm 15 bộ phận, mà sách Tàu dịch thì chưa thấy, ngoài ra nữa như chú sớ lịch sử cũng nhiều, mà chú sớ của đức Giác-án thì có 19 bộ, nhất là bộ thanh-tịnh-đạo, do cao hạnh cao thượng của ngài, mà nghị luận rộng rãi làm cho Nam tông sùng phụng ngài, cũng như bậc tôn lớn sùng đức Mã-minh và Long-thụ vậy.

TIÊU THẶNG TRUYỀN SANG TÂY

Đảo Saylan từ xưa là một nước độc lập. Từ cuối đó

Minh (tàu) bị nước Bồ-đào-nha chiếm, sau nước Hà-lan cướp, lần thứ ba nữa, mới đến nước Anh cai trị.

Đến năm 1823 phật lịch, 1796 tây lịch, ở ta vào đời Quang - trung, người Anh đuổi người Hà làm chủ đảo ấy, mới dùng chính sách tin giáo tự do, cho yên lòng dân thuộc-địa, Bấy giờ quan lại người Anh, đều biểu đồng tình đối với Phát-giáo, mà được nể dân pháp vị của Phật. Ông Ước-hàn-li-Đôn là quan Trưởng-phán-sự kiêm nghị-trưởng, mới xướng nghị việc nghiên cứu về lịch sử, phong tục và tập quán của Saylan. Đến năm 2860 phật lịch (1833 tây lịch, 14 Minh-Mạnh) mới dịch xong một bộ lịch-sử thần-thánh của Saylan gửi về Luân-đôn và tiến trình Anh-hoàng, Tiễn quyền sách ấy do dịch bởi thổ-ngữ (tiếng thổ) Saylan ra mà chưa chám chước với nguyên văn ba-ly, còn sai nhiều lắm.

Đến năm 2864 phật lịch (năm Minh-Mạnh 18) họ Đan-nam theo bản Ma-ha-bàn-sa cải chính lại, cái chân diện mục của Phật-giáo-sử mới tỏ ra ở Âu-châu, mà biết các nước Tích lan, Diến-điện và Siam-la đều có những cổ-diễn rất phong phú. Năm 2882 (Tự-Đức thứ 8) ông Pháp-bồn-Nha làm chức tư-thư ở trường đại-học khoa-bản-cấp-nhân, được 2 ông thực-học là La-ti-khắc và Ngái-ti-Đan dạy bảo thêm, ông lại càng thích văn tự cổ của Ấn-độ, nhân sách có sẵn ở trường, cố tâm nghiên cứu, lâu rồi thâm hiểu về kinh pháp-cú lắm, so sánh nhiều bản, chép cả nguyên văn ba-ly, khảo cứu rất tiện, Tự khi bộ sách ấy ra đời, thì những phật-lý sáu-xa cao diệu mới dần chiếu tỏ bên Âu-châu. Năm 2911 (Kiến-Phúc nguyên-niên) lại xuất bản kinh Phật-bản-sinh nữa. Từ sau khi kinh Pháp-cú xuất-bản bên Âu-châu, người Âu khảo về Phật-giáo được nhiều hứng vị. Nhân thế nhiều người thích khảo về kinh văn ba-ly. Rồi thì Chại-nam-nhĩ Ôn-cổ (người pháp) Mễ-na-đi-phu (người

ng) cũng làm ra sách phổ bày ý kiến cả. Giáo-đồ Saylan mới ứng thời nổi lên, đưa những kinh sách chữ tiếng ba-lì mà hiển ra thế-giới. Ông Đàm-ma-cái-ma cũng làm một bộ, Tầu dịch là « Danh-nghĩa-minh-đăng » Sau ông Đàm mất, ông Tu-bồ-đề sửa lại xuất bản, đến nay người Âu coi là của quý. Còn các cư-sĩ khác, cũng đều trở-tài nghiên-cứu, làm cho Âu, Á thông đồng, cùng dắt nhau vào tầm trong bề pháp.

Các kinh bằng chữ ba-lì, nay người Âu đều có bản dịch lưu hành cả rồi. Nhưng có một bộ rất là khó được là bộ Tăng-nhất-a-hàm, đầu tiên hiệu-dinh là ông Mạc-li-ti (tân-giáo-đồ gia-tố), việc chưa xong,* thì ông đã mất, sau ông Cấp-đại (cựu-giáo-đồ) hiệu-dinh lại mới xong. Ông Cấp-đại có lòng tin phật lắm, tri-giới rất cần, hằng muốn nghiên-sinh Phật-lý, liền từ chức giáo-thụ ở trường Đại-học Thụy-sĩ, cùng 7 người đồng liêu, lui ở Uy-nhĩ-đô, làm được mấy bộ-sách về thông-tục Phật-giáo, xã-hội hoan-nghinh lắm. Năm 2921 (năm Thành-Thái thứ 6) thì ông mất. Lúc ông làm chung có di-ngón gửi lại 3 vạn đồng tiền vàng ở trường Đại-học mình-bản, để cúng về sự nghiên-cứu kinh Phật.

ĐẠI - THẶNG TRUYỀN SANG TÂY

Người Âu nghiên-cứu Phật diễn chữ cổ-phạm bắt đầu từ ông Hạ-kim-Tôn nước Anh, ông sinh năm 2827 (năm Bảo-Hưng Tây-Sơn), tự khi còn bé đã có chí nhón. Năm ông 18 tuổi, du học ở Ấn-độ, vào học trường Cao đẳng giúp-cốc-dà, học rồi làm quan ngoại-giao, dần dần làm sếp thư-ký ở cục Ba-ti, rồi quyền công-sứ ở Néballe, nhận chức hơn 10 năm, đối về việc kinh doanh Ấn-độ cho nước Anh, có công lao hách-dịch lắm. Đến năm-2874 (Thiệu-Trị thứ 7) ông từ chức ở núi Đại-cát. Kể từ khi ông mới làm công-sứ ở kinh-thành Néballe, ông đã tích giao-du với các tăng, để hỏi han nghĩa giáo, mà

tra-xét kinh văn. Hơn 20 năm ông mới chép nhật-xung những quốc-ngữ, văn-học cùng tôn-giáo của Néballe và Tây tạng ở trong tạp-chí Á-tế-đ, mà cóno bố ra đời. Từ đó học giả Âu-châu đã hoan nghinh lắm. Ông lại dịch bộ luận Kim-cương-chém, tặng cho hội Á-tế-á-liên-hiệp, cố chí bầy tỏ cái chủ-nghĩa Từ-dân-bi-h-dưỡng đề phá dai cấp của giáo bá-la-môn, lại diễn cái nguyên văn tiếng-phạm đề dẫn coi danh nghĩa, rất hay của Tiểu-phẩm-bét-nhũ và các kinh văn hiền-một, làm một quyển luận, gọi tên là «Lược-luận về Phật-giáo nước Néballe» Hai quyển sách của ông xuất-bản trong năm 2855 (năm Minh-Manh thứ 9) đó. làm tiên-phong dịch kinh phát bằng tiếng phạm ra tiếng Âu-châu vậy. Ông lại có 381 bộ sách phát bằng chữ phạm nữa, gửi về ở 2 trường đại-học của Luân-đôn và Ngu-u-lôn, ông lại còn gửi tặng ông Bi-na-Phu ở Ba-lê 171 bộ và gửi tặng ông Mật-da-la ở Mạnh-đa-lạp 144 bộ.

Bi-na-Phu là người Paris (pháp). Thân-phụ ông đã nổi tiếng về môn ngữ-học, làm giáo-thụ ở trường cao-dẳng, kiêm làm giám-học ở trường đại-học, Ông nổi nghiệp cha, tinh thông lắm lối, năm 2859 (năm Minh-Manh thứ 13) làm giáo-thụ trường cao-dẳng. Từ khi được kinh điển-phật bằng chữ phạm của ông Hạ tặng ông liền dùng măn ninh tiến về sự trước thuật. năm 2872 (năm Thiệu-Trị thứ 5) ông xuất-bản bộ Tỳ-luận sử-phật-giáo-ấn-độ, trong nói bao hàm cả nghĩa lý các kinh Đại-thặng như Bát-nhã, Lăng-giờ, Hoa-nghiêm, Kim-quang minh và Pháp-hoa v. v. Năm 2879 (năm Tỳ-Đức thứ 5) lại dịch xong toàn bộ kinh Pháp-hoa, kinh chưa kịp xuất bản mà ông đã mất Học-trò ông là Mạc-Nhi sau nói chỉ thầy mà xuất-bản. Từ đó người Âu-châu mới được thấy kinh Phật đại-thặng vậy.

Mật-da-la là người Ấn-độ, ông sinh ở Giáp-cốc-đa. Trước ông làm chức lu-thư cho hội Á-tế-á-liên-hiệp ở

manh-da-lạp, lên dần đến hội-trưởng. Ông vốn rộng
lục tài văn, tiếng lừng thế-giới, ông Ha-kim-Tôn vẫn
kinh trọng lắm, nên đưa tặng ông nhiều thứ sách phạm,
nhân đó ông làm được bộ phạm-diễn-giải-đề, đủ khở
chứng được nguyên-lai cây-tháp đa-gia, nó quan-hệ về
các lối khảo cổ, prát mình được rất nhiều, lại dịch
kinh Đại-trang-nghêm và kinh Du-giá-triết-học-bản. Năm
2914 (năm Đồng-Khách thứ 2) lại niệu chính nguyên
văn bộ Bái-thiên-tụng-tiêu-phẩm. Năm sau thì ông mất,
ông thọ 68 tuổi.

Sau khi ông Ha-Kim-Tôn từ chức 30 năm, nước
Anh lại có ông Lai-Đức. Đương làm chức thầy thuốc
chữa lành theo quan công-sứ dều Néballe, có ông giáo
trưởng Đại-học kiểm-kiểu tên là Cao-ai Nặc, ủy ông
sưu tập kinh sách lần thứ 2. Từ năm 2900 năm Tự-
Đức 26) đến năm 2904 (Tự-Đức 29) ông tìm được 850
bộ sách cổ, trừ ngoài sách ba-ta môn ra, được 325 bộ
sách Phật. Đến ông Giáo sau của trưởng kiểm-kiểu tên
là Bành-thông-Lý và ông Lỗ-Nghị người Pháp lại sưu
tập nữa, là lần thứ 3 và thứ 4.

Người Nhật cũng nghe gió nổi lên, ông Hà-khâu tuệ-
Hải tìm được hơn 50 bộ kinh bằng giấy. Ông Thần-
trọng-tam-Lang tìm được hơn 80 bộ kinh chữ viết, có
bản lá bối cổ chép 8 nhaiu tụng ở trong Năm 2945
(năm Khải-Định thứ 3) ông Cao-nam-Thuận thứ-lang
cũng tìm được 100 bộ.

(còn nữa)

Nguyễn-Thượng Căn dịch thuật

NÓI VỀ CHỮ « ĐỨC » TRONG ĐẠO PHẬT

Bài diễn văn của Sư ông Thanh-Đặc Hưng-yên
giảng tại chùa Hội-quán Trung ương

Thưa các Ngài,

“ Nhân giả Đức nhi long » ý vị thay ! câu nói của người
xưa, đã đào-tạo biết bao người nên trang hiền đức.

Ngay nay nghĩ đến câu ấy, thì cảm thấy trong mình khoan khoái, tưởng chừng đã lĩnh thụ được chén nước « bát đức » của Phật-Tổ han ơn, trong buổi nắng hè, nhân xin nói về « chữ Đức trong đạo Phật. »

Đức Thế-tôn lập giáo, bước đầu lấy ngũ-giới thập-thiện làm quy-cử, sau tiến đến Tam-đức, Ngũ-giới thập-thiện, tôi không cần phải nhắc lại nữa nay chỉ xin giải thích về chữ Đức của Phật.

Trên bầu vũ-trụ mênh-mang này, nói giống hay Tôn-giáo có sai khác, tinh tinh và phong thổ hoặc không đều, nhưng về phần « đức đực » thì bất luận Tôn-giáo nào, chủng-lộ nào, đất nước nào, thời đại nào, đều cần phải thực-hành mà không thể không được.

Cá-nhân có đức là người hay người tốt ; một nhà có đức thì một nhà gồm đủ con thảo cháu hiền ; làm người trên có đức, thì không cứ phải bố-hào giáo-hóa mà người ta sẽ theo như nước chảy chỗ thấp ; một chính-nhủ lấy đức trị dân, thì trong nước có taê-thống trật-lự, trăm họ yên vui, hưởng phúc thái-bình, đó là lẽ thông thường xưa nay vẫn thế.

Đức Thế-tôn thuở trước một mình trăm tư mặc tướng, ở nơi Tuyết-Sơn hieu quạnh, chốc kể 6 năm, mùa vãn đức hạnh vẹn tròn, cung ngôi chính-giác, lấy đạo-đức lập ra giáo-pháp muôn đời.

Đức do đâu khởi điem ra ? đức ấy tự cái tính thiên nhiên của bản-thể, chún-sinh sẵn có, trong như gương sáng như ngọc, nhưng có năng tu tập trau truốt thì nên « đức tinh tốt » ; nếu mê lầm để vật dục che lấp thì thành ra tất xấu.

Chữ đức. -- nghĩa là ơn, là hay, là tốt.

Chữ đức thuộc về tinh-thần. Tiền hiền có nói : Tu ở trong nhà là đức ; làm việc đối phó ra bên ngoài là hạnh.

Nội dung chữ Đức có các tiếng đi theo, ý nghĩa liên-lạc như sau này :

A) Đức-tinh. — Rèn đức cho cái tính-khí thuần-cần, ôn hòa, nhẫn-nại, tinh-tiến, công-bằng, chính-chức, đừng để ngôi tham dục bốc lên.

B) Đức-hạnh. — Giữ gìn giới hạnh, tu luyện nết-na, gồm đủ các hạnh hay nết tốt.

C) Dục-đức. — Nuôi dần cái đức-tinh cho mỗi ngày mỗi tiến lên, tuổi còn trẻ thì là có giới-hạnh, sau tuổi cao là bậc cao đức.

Trong kinh Cảnh-sách dạy rằng : « Cao đức năng sử giới đức thanh cao » 高德能使戒德清高. Nghĩa là : bậc cao đức hay khiến được giới hạnh trong trẻo, đức tinh cao-siêu.

Nuôi đức cũng như trồng cây, phải chăm-chỉ vun sới cho cây cao lá dài hoa tươi quả tốt.

Người xưa có câu : thêm trồng cây đức là vì thế.

D) Công-đức. — Ngài Lục-Tổ bảo quan Vi-Thứ sử đất Thiền-châu rằng : thấy được tính là công ; đối với ngoài có lễ-độ là đức ; bản tính gây dựng nên muôn phép là công ; tâm là nghĩ-ngợi là đức ; nếu muốn dùng công-đức phật-thân, cứ y thế mà làm. Người tu công-đức tâm không khinh rẽ ai ; nếu khinh rẽ người, thì chưa dứt được sự nhân, ngã ; nếu có sự nhân, ngã thì lại thành không công, tâm tính đối đãi thì thành ra không đức. Ngài lại nói nữa rằng : tâm hạnh ngay thẳng là đức ; tu tính là công ; tu thân là đức.

Chữ Đức trong kinh-diễn giải thích rất thấu đáo, cốt phải nghe mà nghĩ, nghĩ mà tu.

Tu đức trước hết phải lấy giới-định làm phương-pháp đối-trị cho vật-dục tiêu-trừ, khi đức-hạnh đã vững-vàng chắc chắn, lại tiến lên tu đến tam-đức.

Ba-đức. — Bất-nhã-đức, giải thoát đức, pháp thân đức.

(I) Bát-nhã-đức. -- do không quán soi rõ các phép đều không; phá tan « kiến-tư hoặc », chứng được « nhất-thiết-trí » trong « không-quán » mà thành ra.

II) Giải-thoát-đức. — do giả quán phá hết « trần-sa-hoặc » chứng được « đạo-chư-ông-trí » trong « giả-quan » mà thành ra.

III) Pháp-thần-đức. — do trung quán phá hết « vô minh hoặc », chứng được « nhất-thiết-đạo-chư-ông-trí » trong « Trung-quán » mà thành ra.

Ba-đức do 3 để mà nghĩ nên chớ không thể nói được. Ba để. — Chân-để. Tục-để. Trung-để.

1. — Quán hết các phép đều không, tức chân-để.

2. — Quán hết các phép đều giả, tức tục-để.

3. — Tất hết các phép, giữ Trung-đạo, tức trung-để.

Ba để phải tu dùng phép chỉ, quán. « Chỉ », nghĩa là ngăn, tức là chặn đón cái lòng loạn động, mà hoàn nguyên lại cái bản thể êm-đềm tịch-tĩnh.

« Quán » 觀, nghĩa là soi, tức là rọi tỏ cái lòng hôn-muội, mà hoàn lại cái bản-thể sáng suốt quang minh.

Bản thể vốn là minh, là tịnh, mà lại sinh ra hôn, ra loạn, là sao ?

Phật dạy rằng : Cái thể « chân-như » nguyên chẳng đổi rời, nhưng nó hay tùy duyên dấy động nên gọi là « tâm » 心. tuy nó hay tùy duyên, nhưng bản tính của nó chẳng thay đổi nên gọi là « tính » 性.

« Tâm » thì hôn động, mà tính minh tịnh, cũng như cái gương, bản thể của nó nguyên sáng, nếu hay soi, tuy hay soi, nhưng cái tính của nó thường thanh tịnh hoài, không khi nào biến đổi.

Nếu biết rằng : Từ đời vô thủy, do nơi cái tính sáng suốt, mà sinh ra hôn mê, thì hiểu rằng: ngày nay do cái

lòng mờ tối loạn động mà hoàn lại cái tỉnh êm đềm sáng sủa.

Bởi Phật thấy chúng sinh có thể do cái lòng hôn-dộng mà trở lại được cái tỉnh « minh-tịnh » 明淨 nên ngài nhân cái « tĩnh » đó mà dạy Pháp « chỉ » tức là ngăn đón cái lòng loạn động, rồi liền tới trong cái hôn động đó « chỉ nó quán nó » mà hoàn lại cái tỉnh sáng sủa êm đềm.

« chỉ » 止 có 3 phép :

1.) Thể chân chỉ (體真正).

2.) Phương tiện tùy duyên chỉ (方便隨緣-).

3.) Tức nhị biên phân biệt chỉ (息二邊分別-).

Trong 3 phép « chỉ » đó mỗi một phép đều có 3 nghĩa :

3 nghĩa của phép « thể chân chỉ » là :

1. Đón dứt cái lầm và cái nghĩa lầm.

2. An trụ vào cái chân-đế.

3. Thấy lầm nghĩ lầm với chân-đế.

Hai cái đó như nước với sóng cùng 1 « tính » rớt nguyên không cái lý « chỉ » hay là chẳng « chỉ »; nhưng vì chân khởi ra vọng, cũng như nước khởi ra sóng, nên phải nói là « chỉ », chỉ tức là ngăn « đối » trở về « thực » như thói « sóng » mà trở thành « nước » vậy.

Ba nghĩa của phép « Phương tiện tùy duyên chỉ » là :

1. — Đón dứt cái lầm « trần sa » (nghĩa là lầm nhiều như cát, với bụi).

2. — An trụ vào cái lý chân-đế.

3. — Trần sa với tục-đế.

Hai cái đó tính đồng như nhau, như đều thí-dụ nước với sóng ở trên kia vậy.

Ba nghĩa của phép « tức nhị biên phân biệt chỉ » là :

1.) Đón dứt cái nghiệp vô-minh.

2.) An trụ vào cái lý trung-đế.

Hai cái ấy nguyên cùng một thể, chứ không phải « chỉ cũng chẳng chỉ » nhưng vì chân khởi làm vọng, nên phải gọi rằng « chỉ . »

Pháp « chỉ » tuy là 3 phép, nhưng tròn ở trong một lòng, nên gọi là phép « Đại-thừa chỉ môn » (大乘止門).

« Quán » 觀. — Cũng có 3 phép.

1. — Tùy giả nhập không quán.

2. — Tùy không nhập giả quán.

3. — Trung đạo đệ nhất nghĩa quán.

Trong 3 phép quán đó mỗi phép cũng đều có 3 nghĩa.

Ba nghĩa của phép quán tùy giả nhập không là :

1.) Quán những cái hoặc kiến tư.

2.) Quán thông vào chân-đế.

3.) Kiến tư với chân-đế.

Nguyên mấy quán ấy chẳng khác nhau, nhưng vì bởi bản giác cưỡng chiếu mới sinh ra Lâu muội, nay phải quán mà lấy lại tính quang-minh.

Ba nghĩa của phép quán tùy không nhập giả là :

1. Quán phỏng cái hoặc trần-sa.

2. Quán thông vào tục-đế.

3. Trần-sa với tục-đế.

Ba nghĩa của phép « Trung-đạo đệ nhất nghĩa » là :

1. Quán phỏng cái nghiệp vô-minh.

2. Quán thông vào Trung-đế.

3. Vô-minh với Trung-đế.

Nguyên mấy « Quán » này đồng một tính, nhưng vì bởi bản giác cưỡng chiếu mới sinh ra mê tối, nên phải quán mà hoàn lại tính quang-minh.

Muốn tu phép này phải hiểu cái nghĩa « tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên » vì cái lý tính chân như, tuy rõ xưa chẳng sinh, nay chẳng diệt, nhưng nó hay tùy duyên.

Nếu tu đã thành thì không cần phải dùng phép « chỉ, quán » làm chi nữa, hễ hờn loạn đã dứt, thì bao nhiêu các pháp đều không. bấy giờ chỉ còn nguyên bản thể minh-tịch hoai. Như thế gọi là viên-đốn. là vô-vi, là hạnh của Phật, và cũng gọi là chiếu cái tính mà thành ra cái nốt tu. « Chỉ » đã tránh rồi thì tức là « giải-thoát ». « Quán » đã thành rồi thì tức là « Bát-nhã ». và « Thế » đã hiểu rồi thì tức là « Pháp thân ».

Ba món đótức là một. Một tức là Ba. như chữ « Y . α . . » ba điềm, không phải đọc, không phải nghe, mà không phải đồng cũng không phải gì.

Ba cái đức này, thật không nghĩ được mà cũng không rói được, thực chính là cảnh giới « Niết-bàn ».

Đương bản về tam đức, trông lên thấy trước bản thờ chàm-hương nghi ngút, sung quanh cờ-hiệu Phật-Giao Hội, tràng-phạn bảo-cái, phướn bay phất-phới, nhìn như năm sắc mây che, trông là bảo cái thấy 4 chữ « Thường lạc, ngã tịch » 常樂我淨. Lại sự nhớ đến trước đây tôi đọc kinh « Niết-bàn » thấy khi Phật sắp nhập diệt, chúng hội đều đến hầu chung quanh.

Ông Át-ran thưa rằng: Bạch đức Thế-tôn ngài thường nói rằng: Những người nào động phép thần thông, muốn sống nửa kiếp hay là một kiếp tùy ý được cả. Ngài đã chứng được thể kim-cương bất-hoại, và các phép kim-cô, hơn các bậc Hên-thánh, thì đáng lẽ ngài sống lâu vô tận mới phải, chớ sao lại cũng đồng như người phàm, tùy theo hần nghiệp vô-thường mà vội vàng nhập-diệt như thế ?

Phật nói: hết thảy các phép đều là vô-thường, vốn không bền chắc và không lâu dài. Phàm các món hạnh-pháp thì thuộc về hữu-vi; nếu đã tạo thành thì tất phải có hư mất. Ta đã mượn sắc thân hữu-vi mà truyền giáo. Nay hết cơ duyên rồi, thì ta phải nhập-diệt, các phép phó chúc cho ông Ca Diếp vàng làm. Các người đừng lo buồn.

ta tuy nhập-diệt; nhưng vẫn là không nhập-diệt cũng như vua đi tuần-thứ, các việc trong nước đã phó các quan đại-thần trông nom lo liệu.

Sau rồi Phật có thuyết « Niết-bàn Tứ-đức » để phá hai môn chấp của bọn phàm-phu ngoại-đạo và phái nhị-Thừa.

« NIẾT-BÀN TỨ ĐỨC »

1.) « Thường » 常. — Là Pháp thân, bao giờ cũng êm đềm vắng-lặng, sáng suốt thường-tru ở thế-gian, không chuyển-động, không thay đổi, không sinh-diệt, vững-bền một thể chân-như.

Vi dụ điển khí bao giờ cũng chẳng chịt khắp hư-không vũ-trụ.

2.) « Lạc » 樂. — Tức là Niết-bàn, nghĩa là nhập diệt; nói dỏ thì là « Ban Niết-bàn ra » nghĩa là trợn-vẹn công-đức, vắng-lặng yên-lành, không còn mê làm gì nữa.

3.) « Ngã » 我. — Tức là Phật, là Như-lai, nghĩa là hoàn toàn giác-ngộ, quang-minh tự-lại, không biết từ đâu lại, mà cũng không phải đi đâu nữa, thường xuất nhập ở thế-gian để tế độ sinh-linh.

4.) « Tịnh » 淨. — Tức là Pháp, Phật tuy nhập-diệt, nhưng pháp tạng vẫn lưu lại Thế-gian, không biết thế nào là giới hạn, đứng ở một địa-vị vô-pháp lập ra các pháp, không như mà không tịnh, không trí mà không giác, làm một cái gương chung cho Thế-gian soi, biết làm đều tốt, bỏ sự xấu.

Phàm phu ngoại-đạo cũng có thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng vì Phàm-phu ngã chấp, nhị-thặng pháp-chấp, như là « Thường - kể vô - thường, vô - thường kể thường » 常計無常, 無 - 計 -. Ngược lại như vậy, thành ra tứ đảo, bát-đảo, duy có Phật mới cứu kánh chân thường, chân lạc, chân ngã, chân-tịnh mà thôi.

Hỏi Phật-Giáo theo 4 chữ « Thường, Lạc, Ngã, Tịnh » ở là bảo-cái để hộ-niệm vong-liu, cứ ngu-kiến tôi tức-đặc

rằng : bản hội có ý muốn cho chúng sinh đều cảm hóa cái đức chân thường, chân lạc, của Phật, mà bỏ sự chấp chước cái thân vô thường vậy.

Tu đức phải kiên tâm nhẫn nại, đem cái năng lực dũng mãnh mà phấn đấu với các cuộc khổ khăn, vạn giọt nước công-đức mà tưới tắt lửa phiền-não. Cứ an tâm định tĩnh, mà trau dồi mài rũa cho được hoàn mỹ tận thiện, không thấy người khen mà hời lòng, chớ thấy người chê mà nản chí, bao giờ cũng tinh-tiến làm việc ; chớ bảo năm nay chẳng học có sang năm, ngày nay chẳng tu còn ngày mai, chớ thấy đều thiện nỗ mà không làm, chớ nghĩ tuổi còn trẻ mà không tu.

Luận Hộ-pháp nói rằng : « Vô uy thể gì tự tôn, long đạo đức gì vi tôn, vô tước lộc gì tự hoạt, y giáo pháp gì tự hoạt ». 無威勢以自尊, 隆道德以爲尊, - 爵祿以自活 依教法以自活. nghĩa là : không lấy uy thể để tôn trọng mình, tôn về dãy đạo đức ; không nhờ tước lộc để nuôi sống mình, nhờ về hiệu giáo-pháp. Vậy muốn nên người đạo-đức thì phải tu, muốn hiểu giáo-pháp thì phải học, xét cho kỹ thì bất cứ tại-gia xuất-gia mặc dầu, nhưng không có đạo đức học-thức, thì dầu có khôn ngoan đến đâu chẳng nữa, cũng chỉ hợp được một vài kẻ quê người dốt mà thôi, chứ đối với bậc trí-giả thì khôn bề bụng bít.

Kể Tiều-nhân nhân cư hay làm nhiều sự ám muội, rồi đến chỗ công-chúng thì họ lại vận cái một ông Đại-liệp Sư nước Ba-la-Nại mượn áo, để hợp sư-tử mình vàng, mà chính bạng ấy xưa nay vẫn thường xuất hiện ra đại đa số trên mặt quả đất, những sự ám muội ấy, thì pháp luật lấy đầu soi xét cho thấu, nên phải cần có giáo pháp, may ra vẫn hồi đạo tâm chút đỉnh

Không giáo có câu rằng : « Vi bất thiện ư u minh chi trung, quỷ thần đắc nhi chu chi » 爲不善於幽冥之中 鬼神得而誅之, nghĩa là : làm đều bất thiện ở trong chốn tối tăm, « quỷ thần bắt được giết cho chết » thế cho

nên các bậc Hiền-nhân quân-tử, quý nhất trong cái thời giờ u nhàn tĩnh tịch yên ở một mình lại càng rất cần tiến-đức tu nghiệp.

Có người tưởng không có trời Phật quý thâu là chi cả, thấy nói truyện đạo-đức thì cho là gàn là dở, thấy người có đạo đức thì cho là cồ là què, cứ vin câu « không ăn cũng thiệt không chơi cũng già » rồi đó tự do phóng phiếm, sao không xét cuộc đời như giấc mộng, phù-quy như mây dùn, cứ đắm mê những sự-khoái-lạc tạm-thời, không sớm liệu phương tu đức, một ngày kia gió nghiệp lung-lay, hơi dương lạnh tắt, bấy giờ dầu muốn tu-trì đức hạnh thì ôi thôi !.. Vua Diêm-la nào có nề nang, quý vô-thường nghĩ chi tinh diện.

Tôi lại xin lược dẫn diễn tích một người xưa không tu để làm ứng chứng sau này :

Đời xưa có một anh chàng khốn nạn thường bắt chước tiếng chim uyên-ương kêu đi ăn trộm hoa sen, một hôm lội xuống ao sen của vua ăn trộm hoa, người coi ao thấy tiếng lạ đem lòng ngờ, hỏi rằng : « tiếng ai kêu ở dưới ao thế » anh chàng thần hồn nát thần tính, vội cất tiếng đáp lại rằng : « tôi là chim uyên-ương đây » người coi ao liền số lại bắt trời giải nộp, khi giải đi đến nửa đường, anh chàng mới nghĩ ra, bấy giờ lại giả làm tiếng chim kêu, người kia thấy anh giả cái thái độ bật cười như thế, liền mắng rằng : « giả ngay lúc còn ở dưới ao, anh giả làm tiếng chim kêu, ta không ngờ, thì làm chi đến nỗi này, bây giờ sự đã xong rồi, anh còn giả bộ làm giả uyên-ương kêu, thì có ích gì, thôi thôi tay đã dùng chàm.

Thương thay ! cho anh chỉ vì không biết sớm liệu đường tu, nên đến sau hối không kịp nữa ; giả thử anh đừng kiếm nghề ăn trộm hoa, thì làm chi đến thế. Người ta không đức hạnh, cũng chẳng khác gì anh chàng uyên-ương kia vậy.

Người ta vẫn thường tự-hào là thiêng-liêng hơn muôn

vật, lời nói ấy cũng không phải là ngoa, vì loài người đầu đời, chân đạp đất, hơn muôn vật có đủ luân-thường đạo-lý. Có đủ tư-tưởng tinh-thần, lại đủ đức-tướng như Phật, thế mà quyết chí làm lành, gia công tu đức, thì tôi dám chắc rằng :

« Cửa từ bi nào có hẹp hòi,

Nước Cực-lạc há đâu xa lạ.

Tuy rằng : biên kinh núi Pháp, kinh Pháp khó hương. Song lẽ, muốn thoát sông mê phải dùng bát-nhũ, muốn qua nề khổ phải giữ phù-nang, muốn thành Phật thành phật có đức-dục. Nếu 3 đức đã làm tròn vẹn thì mong cơ ngày Phật sẽ phóng một đạo hào quang trắng-sóa, để làm hương đạo cho chúng ta, thường cái cảnh đất vàng, ao báu, gác ngọc, lầu quýnh, gió thổi cây rung, khua vãn bát-nhũ, cầm kèn nước báu, diễn khúc ma ha, không khổ sở đói khát, không sống chết bệnh già, sung sướng biết là đường nào !

Thưa các đạo hữu, tôi lại xin nhắc đề các đạo-hữu ghi nhớ lời Phật dạy rằng : « Tụng lời nói của Phật, làm như nết làm của Phật ấy tức là Phật » chúng ta đều là giáo-dồ của Phật, lại hữu duyên gặp được thời-kỳ Phật-Giáo hưng-hương, nghe câu đạo Pháp ở trước Phật-đài.

Vậy rắp mong thực-hành cho như pháp thì thật là công đức vô lượng.

Đến đây xin các đạo hữu cùng tôi phát nguyện mấy câu kệ sau này :

Cúi đầu lạy đức Phật.

Đệ-tử lũ chúng tôi.

Đức-tính ngày thêm sáng.

Vật dục trừ tiệt ngôi.

Thân tuy gửi trần tục,

Mã đã được thanh thời,
Nguyễn sinh sang Cự-lạc.
Thường vui thú đời đời.
Nam mô hoan hỷ tạng bồ tát ma ha tát.

Thích-Tử Vũ-Thanh-Đặc
Hiệu Tiềm-Quang - Hưng Yên

TỰ - THUẬT

Trăm năm trong một cuộc đời,
Ba mươi năm ấy việc người những chi,
Ngày nay hưu hạ đến thì,
Còn mong hành động những gì hay thời,
Nhân tình thế sự,
Đêm năm canh lưỡng lự canh trày.
Về hưu rồi cũng muốn xuất gia ngay,
Nhưng mọi việc giờ hay còn vướng vôi.
Hoạn hải hồi đầu ửng tự tiêu.
Liên tri đối ảnh già khảm liên,
Vòng luân hồi điên đảo, đảo điên,
Đường giải thoát trông về miền linh độ.
Gắng công đức tu trì lục độ,
Dem chân này mà phá bỏ cái vọng kia,
Hoàn nguyên bản tính như như.

LÊ-TOẠI

VỊNH PHÚC QUẢ

✧ Ăn quả giống cây ấy kẻ khôn.
Rễ sáu lá lối quả ra luôn,

Sinh nơi gốc thiện màu sao đẹp.
Bọc cái mầm nhân vô cực tròn.
Tam giới phạm phu thêm dễ được,
Thập phương chư Phật hái thường còn.
Điều lành là báu ta nên chuộng,
Nếm thử mà xem vị ngọt ngon.

VỊNH TỪ-HÀNG

* Bốn bề móng mệnh luống nẻo phiền.
Đường lành nêu cái cột buồm lên.
Từ-bi trong dạ dầy lòng đạo.
Tế độ đôi tay lái mũi thuyền,
Cứu kẻ trầm-luân qua khỏi khổ.
Độ người bỉ ngạn để làm duyên.
Đợi cùng hơi hơi ơi óng lái.
Có phúc can chi phải có tiền,

VỊNH BẢO-PHIỆT

* Con giống bèo tấp thấy mà ghê
Lạc lối sai đường lắm kẻ mê,
Mở lật kho lên chan chứa báu,
Theo giòng sông xướng thả tuồng bề.
Lệnh đênh bề khổ đầu đem lại.
Phẳng lặng giới tây khách muốn về
Nghìn mắt nghìn tay bờ-tát hiện.
Một niềm tế-độ đủ trăm bề.

Phượng sơn Nguyễn-thiện-Chính

BÀI SỚ SÁM-HỐI (1)

Phục-di :

Đạo trời lồng-lộng, nhẽ tuần-hoàn báo ứng không sai.
Cửa Phật thênh thênh, lòng quảng đại từ-bi sẵn có.

Tu là cõi phúc,

Nghiệt ấy dấy oan,

Muốn được tu thân

Phải nên quy Phật

Viên hữu :

Đại - Nam quốc mô linh mô xã, y vu mô tự cư
phụng Phật, hiến cúng Thu thiên, cầu quy y sự.

Kim thần tin-chủ

mô thê mô đồng gia đặng

Tức nhật

Ngửa trông Liên tọa

Đến trước Phật đài.

Tinh-chỉ cầu vi: Qui y Phật-giáo

Thiết niệm lữ chúng tôi :

Cõi trần chen-chúc,

Lòng dục mơ-màng,

Việc dân việc làng, chông, nghiệp dĩ tiền nông
khua khoét.

Đi cầu, đi chợ, vợ chót đá đong bán đầy voi.

Lỗi nhờn lầy trời

Ác sâu như bễ.

Giới định tuệ xét chưa được một

Tham sân si từng phạm cả ba
Nếu không sớm liệu đường tu ăn năn tội lỗi
Chấn sợ càng thêm nghiệt chướng đầy đọa tháng
ngày.

Vì vậy hôm nay

Chọn được ngày lành tháng tốt

Kính dâng lễ bạc tám thiên li

Làm lễ quy y.

Tổ lòng sám hối.

Xin mượn tiếng chuông chiêu mộ, khua tỉnh
mộng phiền

Muốn nhờ giọt nước dương chi, rửa tan tục
niệm.

LỜI SÁM HỐI

Tham lam vơ cả vào mình.

Ghét-ghen sinh chuyện bất bình thị phi.

Ngu si còn biết ehi chi,

Dại thì đại quá, mê thì mê toi,

Nam-mô lấy chín phương giới,

Lấy mười phương Phật, cứu đời chúng sinh,

Nén hương tưng niệm lòng thành

Cải ác vì thiện, tu hành từ đây.

Tử-An Trần Lê Nhân

(1) Bài này trích ở trong vở trò: «Tu là cõi phúc» do hội-viên Hội Phật-giáo Ninh-Bình hát giúp cho chi Hội-Phật-giáo Phủ lý, lấy tiền giúp đồng bào bị lụt.

ĐỒNG - NỮ LA - HÁN

(Lược dịch trong kinh Trang-a-Hàm quyển 7)

Tỳ-Tử, thuộc về giòng Bà-la-môn, được vua Bà-la-môn phong cho làm chánh-giám-vụ ban giáo dục ở thôn Tu-bà-hê Thôn này, tuy nhỏ, nhưng phong cảnh khá đẹp, cây cối um tùm, cỏ hoa tươi tốt, nhân dân đông đúc, làm ăn vui vẻ, thật không kém gì một nơi đô-hội. Tỳ tử xưa nay, có ý kiến khác người, thường thường nói với dân chúng rằng : « Người ta ở đời hề chết đi là hết, chứ không làm gì có đời khác, đến cả tội phúc cũng đều hão cả, chứ làm gì có... »

Bấy giờ có nàng đồng-nữ về họ Ca-Diếp thường gọi là đồng-nữ Ca-diếp, Một hôm cùng với 500 vị tỉ-khiêu đến chơi ở nước Câu-tát-la, dần dần đi đến phía Bắc thôn Tu-bà-hê ; nãng nghĩ ở rừng Thi-xa-bà.Các người bên thôn Tu-bà-hê nghe tiếng liền bảo nhau rằng : vẫn nghe đồn nàng đồng nữ Ca-diếp đã đắc đạo A-la-Hán, thần thông quảng đại, phép lực cao cường, tùy cơ giáo hóa cho chúng sinh rất nhiều sự lợi ích, mà nay nàng lại đến đây thì may cho chúng ta quá ». Người ở thôn đó, cứ ngày ngày lũ lượt kéo nhau đến chỗ đồng-nữ Ca-diếp.

Bấy giờ Tỳ Tử ở trên lầu, cứ thấy nhân dân lũ lượt kéo đi, mà không biết đi đâu, bèn hỏi các người hầu việc gì thế, các người hầu thưa :

- Chúng con nghe nói có nàng Đồng nữ Ca-Diếp cùng 500 vị tỉ-khiêu qua chơi nước Câu-tát-la, người ở đây nghe đồn rằng nàng đã chứng quả A-la-Hán, có tài biện bác giỏi lắm, Nên chúng kéo đi đông thế để nghe nàng thuyết pháp, chiêm-ngưỡng tôn-dung nàng.

Các người ra bảo họ hãy thông thả chờ ta đi theo với, xem thử thế nào; cũng chẳng qua kể ngụ si kia (Ca-diếp) lừa giới thế gian, nói có quả báo luân hồi, nói có cõi đời khác, thật đều là những lời vu hoạc; không có chứng

có gì. — Dân chúng được đi cùng Tệ-Tử, thời lấy làm vui mừng hơn hở, xúm quanh xe Tệ-Tử mà kéo thẳng đến rừng Thi-xá-bà, khi tới nơi, Tệ-tử xuống xe vào ra mắt Đổng-Nữ Ca-Điếp. Hai bên chào hỏi rồi phân vị chủ khách ngồi. Tệ-Tử cất tiếng hỏi năng rằng : » Thưa Tôn-Nữ, tôi có chút nghi ngờ đã lâu, muốn hỏi, không biết người có rộng đáp cho không ?

Đổng-Nữ đáp : Hay lắm ! tùy ý ngài muốn hỏi gì thì hỏi ! ...

Cứ ngụ ý tôi, có đời hiện tại ta ở đây thật là có, mà có người lại nói còn có thế giới khác, thật không đáng tin, người chết là hết, tội phúc cũng không làm gì có nữa, như thế sao bảo còn có đời sau ? xin Tôn-nữ giả lời cho biết.

Đổng-nữ đáp : Ta nay hỏi người, tha hồ cho người lấy ý người mà giả lời. Kia như mặt trời mặt trăng có phải ở thế giới này không ? hay là ở thế giới khác ? đây là người hay là giới ?

— Đó là ở thế giới khác chứ không phải ở cõi đời này đó là giới chứ không phải là người.

— Người cứ lấy đấy mà suy xét thì biết rằng : tất có cõi đời khác thì chắc có đời sau, tất-nhiên phải có quả báo thiện ác chứ gì.

— Không đúng, cứ như ý tôi thì không có chi hết.

— Nay người lấy nhân duyên gì mà biết chắc rằng : không có những lý ấy ?

— Có lắm. Vì duyên cớ gì thế ?

Trong hàng quyến thuộc tôi có người mắc bệnh, tôi đến hỏi thăm, thì tôi có bảo rằng : « Các thầy Sa-môn hà-la-môn đều có ý kiến khác tôi, họ cho là hễ ai sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói dối hai chiều, nói thêu dệt, nói độc ác và than lam, ghen ghét, tà kiến (nghĩ xằng) hễ chết đi phải đọa vào địa ngục cả, mà từ trước đến giờ tôi vẫn

không tin cái thuyết đó, vì tôi chưa thấy qua một người nào chết đi rồi lại về bảo cho tôi biết chỗ phải bị dọa đây kia. Nếu có ai về bảo tôi, tất nhiên thế nào tôi cũng phải tin. Tôi với anh là người quen thuộc, mà tôi xem anh đủ cả mười đầu ác kẻ trên, nếu cứ như lời các thầy sa-môn nói, thì thế nào anh cũng phải sa vào địa-ngục rất lớn kia đây. Nay tôi lấy anh làm tin, nếu quả có địa-ngục thật, thì thế nào anh cũng về bảo cho tôi biết để từ đây về sau tôi mới có thể tin được. Thưa Tôn-nữ, thế mà những người kia chết đi đến bây giờ cũng vẫn chưa thấy ai có tin tức gì cho tôi biết cả; mà những người kia chính là người quen thuộc của tôi, tôi chắc họ đã nhận lời thì họ không lừa dối tôi. Cứ xét lẽ đó thì đủ biết rằng không làm gì có đời sau nữa.

— Nay, như người có tri tuệ cứ lấy thí dụ mà xét thì có thể hiểu rõ ngay, vậy ta lấy thí dụ để phá tan cái mối hoài nghi đó cho người biết.

Như có một kẻ gian dối thường đi ăn trộm làm giặc, trái với phép luật nhà vua, sau có người tình bắt được đem nộp cho vua và tâu rằng :

« Đây là quân giặc, xin vua trị phạt cho. Vua bèn sai lính trói giải ra ngoài thành để giao cho những người coi tù. — Khi ra đến ngoài thành, người giặc kia kêu van với người lính giải mình xin tha cho chốc lát, để về từ biệt các người thân thuộc rồi sẽ lại đến chịu tội. — Như vậy người lính kia có tha cho về không ?

— Không thể được .

— Người xem ! người lính kia, họ với người giặc cũng cùng là loài người với nhau, mà hiện hãy còn sống đây, thế mà họ còn không tha cho người giặc về. Huống chi, những kẻ quyến thuộc nhà người làm ác đã đây, chết đi tất nhiên nhốt vào địa-ngục, mà quân quỷ sứ nó có nhân-tử gì, và chúng nó có phải là loài người đâu; quyến thuộc người nếu lấy nhồi dậu dâng mềm mỏng kêu van xin quỷ sứ tha

cho về chỗ lặt từ biệt người thân kẻ thuộc, vậy phổng quý
sừ nó có nhận nhời tha cho không ?

— Không ?

— Cứ lấy thế mà xuy thì đủ biết, hà tất cứ giữ thói
ngu mê, tự mình sinh ra tà-kiến.

Vâng, tuy tôn-nữ dẫn dụ như thế, tôi vẫn không tin
cho là có đời sau, và quả báo tội phước.

— Thế người có nhân duyên gì biết là không có việc đó
không ?

— Thưa có. Một hôm tôi lại thăm một người anh em
gần hấp hối và tôi dặn rằng : « Các thầy Sa-môn, Bà-la-
môn, đều có ý kiến riêng nói là có đời khác, các thầy ấy
bảo hễ không sát-sinh, không trộm cắp, không gian-dâm,
không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói độc-ác,
không nói đơm đặt, không tham lam, không ghen ghét, không
tà kiến, chết đi được sinh lên cõi trời. Song từ trước đến
giờ tôi vẫn không tin như thế vì tôi không thấy ai chết đi rồi
lại về báo cho tôi biết sinh ở chỗ nào ; nếu có người bảo
cho tôi biết thì tôi tin ngay, vậy nay anh em giữ toàn
được các điều thiện cả ; cứ theo nhời thầy Sa-môn, Bà-la-
môn, chắc anh em sẽ được sinh thiên, hưởng phần phước-
báo ; nếu được như nguyện, tôi mong anh em lại về báo
cho tôi được biết, ngõ hầu lòng tin của tôi mới không sai
lạc. Nhưng cũng chớ được một ai lại về báo cho hay tin
tức mà tôi dám cả quyết anh em tôi không có lừa dối tôi,
cứ xét thế thì tất nhiên là không làm gì còn có đời khác
nữa.

— Ta lại nói cái thí-dụ này cho người hiền.

Như có một người bị sa xuống hố phân, ngập cả đầu
óc mình mẩy, mà có một ông vua sai người dắt lên, tắm
rửa rất sạch sẽ cho, lại lấy đủ các nước hương-hoa rất
quý soa cho, gọi thợ đến sửa sang chải chuốt đầu tóc,
dùng các thứ mũ áo và các đồ châu báu mặc cho, đưa

lên ở một cái lầu các cực kỳ thanh cao, trang nghiêm mát mẻ ; ăn thời đủ thức cao-lương mỹ-vị, ăn nhân thỏa thích, sự muốn gì cũng đủ cả ; vậy thì người ấy từ đây về sau còn dám lợi xuống nhà xí kia nữa không ?

— Không, vì chỗ ấy hơi tanh bẩn thỉu, có lẽ nào họ lại vào làm chi nữa.

— Ấy, cái xá khi ở thế-gian này khó chịu lắm, chư thiên ở trên cách đây một trăm do - tuần người thấy những hơi hôi ở nhân-gian của họ khó chịu gấp mấy người ta đối với nhà xí kia. -- Tệ-tử ạ, người quyền thuộc nhà người tu đủ đều thiện, thác sinh lên cõi trời cực-kỳ sung sướng vui vẻ, thời có đại gì mà xuống cõi dơ nhớp này nữa ; người đã không rõ biết lại cứ câu chấp cái tà kiến, thời đã không lợi gì cho mình lại hại cho người khác nữa.

— Bạch ngài, cứ như lý ngài nói cũng có phần tin, nhưng đối với tôi chưa đủ chứng cứ hoàn toàn mà làm cho tôi tin hẳn.

— Vậy người lấy nhân-duyên gì mà lại biết không có đời khác nữa ?

— Tôi có rất nhiều người quen thuộc, tôi đi tôi dặn khắp cả rằng : « các thầy Sa-môn, Bà-la-môn, cứ chấp cái ý-kiến khác, nói là còn có đời sau, rồi lại bảo hãy ai giữ toàn được 5 giới: không sát-sinh, trộm cướp đâm đâm, giã dối và uống rượu, khi chết đi được sinh lên cung trời Đao-Lợi thì tôi cũng không tin, vì từ trước đến giờ bao nhiêu người giữ toàn giới hạnh, chết rồi mà không thấy qua một người nào về báo cho tôi biết những chỗ thác sinh của họ, nếu chỉ được một người về báo cho tôi biết thời tôi tin ngay, vậy nay tôi xem anh em đều giữ được năm giới trong sạch cả. Tôi chắc theo lời thầy Sa-môn nói, thì chết đi thề nào cũng được sinh lên cung giới Đao-Lợi ; nếu quả được như thế, xin lại trở về báo cho tôi biết với ; ấy tôi lấy anh em làm tin sau này đây. -- Bạch ngài, có nhiều người chết đi rồi mà tuyệt nhiên không thấy một ai về báo cho

tôi biết nữa, kẻ kia đã chết, và đã nhận lời tôi, quyết rằng không nói dối tôi đâu, nên tôi lại chắc thật không có quá báo.

-- Nay Tệ-tử, ở Thế-gian này trăm ngày mới là một ngày một đêm ở cung trời Đao-Lợi, mà ở đây cũng ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, người ở đây ai ai cũng đều sống đến một nghìn năm, vậy thì anh em họ hàng nhà người sinh lên Đao-Lợi kia thì chắc họ trông rằng : « ở thế-gian khổ mãi, bây giờ mới được lên đây, sẽ ở chơi trong một vài bữa nửa tháng để hưởng sự sung sướng đã rồi sẽ xuống báo cho bạn ta biết. -- Như thế liệu người có gặp người bạn quá cố kia không ?

-- Không.

-- Sao thế ?

Nếu vậy, thì đời tôi đã chết lâu rồi, làm gì còn gặp được. Nhưng tôi vẫn không tin, vậy thử hỏi ngay ngài ai lại báo cho ngài biết có cung trời Đao-Lợi và sống lâu như thế ?

-- Nay, thì như có một người mù từ thuở bé không biết gì là năm sắc : xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, và to nhỏ giải vắn, cũng không thấy mặt gòai mặt giãng, và sao, cho đến gò đồng núi non đường lối chi cả, mà có người đến hỏi rằng : những gì là năm sắc cùng là gò đồng núi non khe suối, cho đến mặt gòai, mặt giãng, ngôi sao, thì người mù kia đều cho là không cả.

-- Thế rảo ? người kia đáp thế có phải không ?

-- Không. - Ở đời hiện có đủ năm sắc, và hết thấy muôn vật, mà đũa mù kia bảo không thì vô lý.

-- Ấy chính người cũng thế đấy, thật ở cung trời Đao-Lợi sống lâu, tự người không trông thấy mà người cho là không, thì có khác gì đũa mù kia đâu ?

-- Ngài nói thế cũng không đủ cho tôi tin được.

-- Vì lý gì mà người biết là không đủ tin ?

(còn nữa)

Sa-môn TRỊ-HẢI

Hộp Thơ

Mandat trả tiền báo của các vị sau này :

M.M. Nguyễn-trầnh-Đê à Vinh-Long	Mandat	1\$00
— Phó-Cửu à Phủ-Tho-Quán	—	1\$00
— Trần-văn-Đôi à Cù-lao-Giêng	—	1\$00

Bản báo xin cảm ơn các vị,

HỘI PHẬT GIÁO VỚI NẠN DÂN BỊ LỤT

Chi hội Kiêu - an đã đệ sang tòa Sứ Kiến-An 49\$48, giúp nạn dân bị lụt.

KÍNH TRÌNH CÁC GIÁO HỮU CHI HỘI BÌNH GIANG

Hôm 11 tháng bẩy ta ban trị-sự chúng tôi có họp hội đồng để bàn về việc hôm 15 tháng bẩy làm chay phả độ cho các hội viên quá cố và phả độ gia-liên các hội viên có thân hội. Vì nước dâng lên sân chùa không thể làm lễ được, chúng tôi xin hoãn lại đến tháng một ta sẽ làm khăn thờ. Vạy xin có lời báo-cáo cho các giáo hữu biết.

Thủ-Quỹ

ĐỖ-ĐÌNH-HOẠT

TIN CÁC HỘI VIÊN QUÁ CỐ

- M. Chử-ngọc-Tú ở 79 Bạch-mai viên tịch ngày 18-9-36.
- M. Nguyễn-văn-Tám, 25 Phố Mơi - Hanoi. viên tịch ngày 24-9-36.
- Mme. Trần-thị-Lan ở 38 bis Clémenceau Hanoi viên tịch ngày 24-9-36.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý CUNG-ĐÌNH-BÍNH